

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẢNG HÒA
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2021/HNGĐ-ST

Ngày 07/9/2021

V/v: Xin ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG HÒA - CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phùng Thị Mến

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Văn Phúc và bà Phan Thị Oanh.

Thư ký phiên tòa: Bà Mã Thị Diệu- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Hòa tham gia phiên tòa: Bà Chung Thị Bích Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Hòa - Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 16/2021/TLST-HNGĐ ngày 10/03/2021 về việc: Xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Thạch Thị L, sinh năm 1996; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Phan Văn T, sinh năm 1994; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Những người làm chứng:*

1. Phan Văn P, sinh năm 1971; vắng mặt.

2. Thạch Thị A, sinh năm 1974; vắng mặt.

Cùng trú tại: Xóm Đ, xã S, huyện Q, tỉnh Cao Bằng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/03/2021, bản tự khai ngày 29/4/2021 và tại đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 28/8/2021 ***nguyên đơn Thạch Thị L***, trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Phan Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện có tổ chức lễ cưới ở hai bên gia đình và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện Q, tỉnh Cao Bằng vào ngày 07/8/2014. Đến tháng 12 năm 2019 thì vợ chồng

phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, phát triển kinh tế gia đình và nuôi dạy con chung; anh T còn chửi bới đùôi chị ra khỏi nhà, xúc phạm danh dự và không trọng tôn trọng chị. Từ đó đến nay hai vợ chồng đã sống ly thân.

Về con chung: Chị Thạch Thị L và anh Phan Văn T có một con chung tên là Phan Thị Hồng N, sinh ngày 06/01/2015, hiện cháu đang ở với ông bà nội tại xóm Đ, xã S, huyện Q, Cao Bằng. Sau khi ly hôn chị L tự nguyện để anh T nuôi con và chị sẽ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đ.

Về tài sản chung, vay nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 29 tháng 04 năm 2021 **bị đơn Phan Văn T** trình bày: Anh nhất trí với trình bày của chị Thạch Thị L về thời gian kết hôn, con chung, tài sản và vay nợ chung.

Anh T xác nhận đến tháng 12 năm 2019 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn về bất đồng quan điểm sống, phát triển kinh tế gia đình, chăm sóc con cái. Từ năm 2019 hai vợ chồng sống ly thân. Anh đã nhiều lần xin lỗi chị L nhưng chị L không đồng ý, anh không nhất trí ly hôn và có nguyện vọng được đoàn tụ với chị L. Nếu chị L vẫn kiên quyết xin ly hôn anh yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Phan Thị Hồng N, sinh ngày 06/01/2015 đến tuổi trưởng thành và yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 17 tháng 8 năm 2021, người làm chứng là ông Phan Văn P và bà Thạch Thị A (là bố mẹ đẻ của anh Phan Văn T) khai: Đầu năm 2016 khi cháu Phan Thị Hồng N chưa tròn một tuổi thì chị L đã đi làm công nhân công ty ở Thái Nguyên, từ khi đi làm công nhân hai vợ chồng luôn xảy ra mâu thuẫn cãi chửi nhau, không tìm được tiếng nói chung. Đã 3 năm nay chị L đã không về nhà ăn tết nguyên đán với gia đình. Nếu hai vợ chồng ly hôn ông P và bà A yêu cầu Tòa án để anh Phan Văn T nuôi con vì T đã có nhà cửa ổn định, cháu N ở với ông bà nội từ nhỏ nên cũng quen nếp sống của gia đình; yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ đến khi cháu N được 18 tuổi.

Vị đại diện Viện kiểm sát huyện Quảng Hòa phát biểu ý kiến tại phiên tòa, Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử sơ thẩm, Thư ký Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Về tình cảm, chị Thạch Thị L xác nhận không còn tình cảm với anh Phan Văn T, hai vợ chồng mâu thuẫn đã sống ly thân, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị L yêu cầu được ly hôn với anh T là có căn cứ. Về con chung, chị L và anh T có 01 con chung là cháu Phan

Thị Hồng N sinh ngày 06/01/2015, hiện đang ở với ông bà nội. Chị L tự nguyện để anh T nuôi dưỡng và chăm sóc cháu N sau khi ly hôn và tự nguyện cấp dưỡng cho con 1 triệu/tháng. Anh T cũng có nguyện vọng được nuôi con; nếu phải ly hôn thì yêu cầu chị L cấp dưỡng hàng tháng là 2 triệu đồng. Nên đề nghị giao cháu N cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc; chị L có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Ngọc đến tuổi trưởng thành. Về mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng, anh T yêu cầu chị L cấp dưỡng cho cháu Ngọc mỗi tháng 2 triệu đồng, xét thấy anh T yêu cầu hơi cao, do thu nhập hiện nay của chị L chỉ là công nhân, không ổn định lâu dài, nên đề nghị chấp nhận mức cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1,5 triệu đồng là phù hợp. Về tài sản chung và nợ chung, hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bởi các lý do nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điều 56, điều 81, 82, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn được ly hôn với anh T. Giao cháu Phan Thị Hồng N cho anh T trực tiếp chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành, chị L có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu N mỗi tháng 1,5 triệu đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Chị Thạch Thị L yêu cầu giải quyết ly hôn với anh Phan Văn T, Anh T hiện nay đang sinh sống tại huyện Q, tỉnh Cao Bằng; căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng.

[2] Nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Thạch Thị L và anh Phan Văn T đăng ký kết hôn ngày 07/8/2014 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, đã được Ủy ban nhân dân xã S, huyện Q, tỉnh Cao Bằng cấp Giấy chứng nhận kết hôn, vì vậy đây là cuộc hôn nhân hợp pháp.

[2.2] Xét yêu cầu ly hôn của chị L: Chị L cho rằng mâu thuẫn gia đình do bất đồng về quan điểm sống, phát triển kinh tế gia đình và nuôi dạy con cái, anh T còn chửi bới đui chị ra khỏi nhà, xúc phạm danh dự và không trọng tôn trọng chị. Hai vợ chồng chị đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay.

Anh T xác nhận đến tháng 12 năm 2019 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn về bất đồng quan điểm sống và phát triển kinh tế gia đình, chăm sóc con cái từ đó đến nay hai vợ chồng sống ly thân, anh không nhất trí ly hôn với chị L. Tuy nhiên từ năm 2019 đến anh T không có giải pháp gì để hàn gắn gia đình, giải quyết mâu thuẫn.

Mặt khác, bố mẹ đẻ của anh Phan Văn T cũng xác nhận hai vợ chồng chị L và anh T đã có mâu thuẫn được 3 năm nay và thấy rằng chị L đã không còn tình cảm gì với anh T.

Như vậy có đủ căn cứ chứng minh mâu thuẫn giữa hai vợ chồng chị Thạch Thị L và anh Phan Văn T đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, giữa hai vợ chồng không thể tiếp tục cuộc sống chung được theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.3] *Về con chung*: Chị Thạch Thị L và anh Phan Văn T có một con chung tên là Phan Thị Hồng N, sinh ngày 06/01/2015. Sau khi ly hôn chị L tự nguyện để anh T nuôi con và chị L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đ. Còn anh T yêu cầu được nuôi con và yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ.

Xét thấy, việc chị L tự nguyện để anh T nuôi con chung là phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình, nên được xem xét chấp nhận.

Còn về mức cấp dưỡng nuôi cháu Phan Thị Hồng N, chị L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đ là thấp; bởi lẽ, theo bản sao kê lương công nhân của chị L tại Ngân hàng Thái Nguyên thì trung bình 5 tháng lương liền kề (từ tháng 4 đến tháng 8/2021) của chị L được mỗi tháng khoảng 10.000.000đ, nên cần tăng mức cấp dưỡng cho cháu N để bảo đảm việc ăn, uống và học tập của cháu N ở quê. Còn anh T yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ là cao so với quy định của pháp luật.

Căn cứ vào Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử buộc chị L cấp dưỡng nuôi cháu Phan Thị Hồng N mỗi tháng 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng), phương thức cấp dưỡng theo tháng, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu N trưởng thành (18 tuổi).

[2.4] *Về tài sản chung, vay nợ chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Xét quan điểm giải quyết nội dung vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Hòa là có cơ sở, phù hợp pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Chị Thạch Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Thạch Thị L được ly hôn với anh Phan Văn T.

2. Về con chung:

Chấp nhận sự tự nguyện của chị Thạch Thị L để anh Phan Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Phan Thị Hồng N, sinh ngày 06/01/2015 đến tuổi trưởng thành. Chị Thạch Thị L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000đ (Một P năm trăm nghìn đồng), phương thức cấp dưỡng theo tháng, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu N trưởng thành (18 tuổi).

Sau khi ly hôn chị Thạch Thị L có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung, vay nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Thạch Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) để sung quỹ Nhà nước, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2018/0001872, ngày 10/3/2021 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng thu. Chị L đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, các bên đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND huyện;
- Chi cục THA dân sự huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã S;
- Lưu án văn, lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phùng Thị Mến

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Văn Phúc

Phan Thị Oanh

Phùng Thị Mến

